TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 15 - 6 - 2018
V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường.
Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: H), sinh năm 1982;
Địa chỉ: Cụm 11, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 8, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Ki ốt chợ Bá, cụm 6, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội, vào ngày 19 tháng 7 năm 2013.

Sau khi kết hôn anh và chị D chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ khi vợ chồng sinh con là cháu Nguyễn Thị Kim T nhưng cháu T bị mắc bệnh u mỡ tủy. Sau khi sinh ra được 11 tháng thì bác sĩ chẩn đoán cháu T bị thoát vị màng não tủy cùng cụt và nứt cột sống

thắt lưng, anh và chị D không thống nhất được về cách thức chăm sóc và chữa trị cho con nên xảy ra mâu thuẫn. Chị D bế con về nhà bố, mẹ đẻ của chị D ở và một mình đưa con đi chữa trị ở nhiều nơi, vợ chồng không gặp nhau thường xuyên nên tình cảm bị rạn nứt. Anh và chị D đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm với chị D không còn nên xin được ly hôn.

- *Chị Nguyễn Thị D trình bày*: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Nguyễn Ngọc T trình bày.

Sau khi kết hôn, anh T và chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là khi chị sinh cháu Nguyễn Thị Kim T, do cháu bị mắc bệnh nên anh T và chị không thống nhất được về cách thức chăm sóc và chữa trị cho con nên xảy ra mâu thuẫn. Chị cùng cháu T về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở và đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị cũng xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nhưng không đồng ý ly hôn với anh T vì chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo chữa bệnh cho con.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 21/6/2014. Từ khi chị D và anh T sống ly thân cho đến nay thì cháu T do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, do anh có điều kiện về nhà ở và có thu nhập ổn định hàng tháng từ 7 triệu đồng đến 8 triệu đồng, còn chị D hiện nay không còn ở cùng bố, mẹ đẻ của chị mà phải đi thuê nhà để ở, hàng ngày chị D phải đi làm thuê, thu nhập thấp hơn anh nên không thuận lợi khi tiếp tục nuôi con. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D lúc đầu đồng ý để cho anh T nuôi dưỡng cháu T nếu anh, chị ly hôn nhưng sau đó chị kiên quyết xin được tiếp tục nuôi cháu T.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D đều thống nhất là không có.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị D và quyền được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị D tại phiên tòa trình bày: Chị xác định bản thân không còn tình cảm gì với anh T nhưng trước đây chị không đồng ý ly hôn với anh T vì chị nghĩ thương con bệnh tật nhưng đến nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn với anh T. Chị không đồng ý cho anh T nuôi con vì từ khi chị với anh T sống ly thân đến nay một mình chị chăm sóc nuôi dưỡng và đưa con đi chữa trị, anh T và gia đình anh T không quan tâm thăm hỏi gì. Vì vậy, chị muốn được tiếp tục nuôi con để đưa con đi chữa bệnh. Do chị có mức thu nhập thấp hơn anh T nên chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị 4.000.000 đồng một tháng. Do điều kiện kinh tế của chị khó khăn nên yêu cầu anh T trợ cấp sau ly hôn cho chị một khoản tiền là 17.500.000 đồng. Chị thừa nhận không có tài sản chung với anh T. Về nợ, trong thời gian chị và anh T sống ly thân chị đã nợ một khoản tiền chữa bệnh cho cháu T và tiền vay để chi tiêu. Nay những người cho vay chưa yêu cầu không muốn đến Tòa án đề nghị nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, đúng quy định pháp luật; các đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T, anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Về quyền nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Thị Kim T cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng; buộc anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị D mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc anh T trợ cấp sau ly hôn cho chị D số tiền 17.500.000 đồng. Về tài sản chung, không phải xem xét giải quyết. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Ngọc T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị D là bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn, quyền nuôi con khi ly hôn" là phù hợp với quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T và chị D là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa anh T và chị D có thời gian hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D đã bỏ đi và không chung sống cùng anh T từ tháng 5/2015 đến nay. Anh T không còn tình cảm vợ chồng với chị D nên xin ly hôn. Phía chị D cũng thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh T và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị D chung sống với nhau và có một con chung bị bệnh tật nhưng giữa anh, chị không có sự chia sẻ, giúp đỡ và động viên nhau trong cuộc sống để cùng chăm sóc cho con cái. Từ đó, làm cho cuộc sống chung giữa hai bên trở nên mâu thuẫn, bỏ mặc không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt và sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quyền nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 21/6/2014. Cháu T hiện đang bị bệnh tật, bị liệt hai chân do tiến triển của căn bệnh cháu đã mắc phải từ khi mới sinh ra. Khi ly hôn cả anh T và chị D đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy anh T có điều kiện về nơi ở và thu nhập tốt hơn chị D nhưng từ khi cháu T còn nhỏ cho đến nay chị D là người trực tiếp chăm sóc cho cháu. Hiện nay

cháu T đang bị liệt hai chân và toàn bộ nửa thân dưới mất cảm giác, do đó cần có sự chăm sóc tận tình của người mẹ. Vì vậy, tiếp tục giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị D là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Mặc dù cháu T bị bệnh tật cần phải tiếp tục chữa trị, tuy nhiên mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/ tháng do chị D yêu cầu là cao so với mức thu nhập của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh T cấp dưỡng mức 2.500.000 đồng/ tháng là phù hợp.

Về yêu cầu của chị D đề nghị anh T trợ cấp sau ly hôn với số tiền 17.500.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D có điều kiện kinh tế khó khăn hơn anh T nên việc anh T trợ cấp cho chị D một khoản tiền để chị bước đầu ổn định cuộc sống sau ly hôn là phù hợp. Do đó, cần buộc anh T phải có nghĩa vụ trợ cấp một lần cho chị D với số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp với các quy định tại Điều 115, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D đều xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ tiền chữa bệnh cho cháu Nguyễn Thị Kim T mà chị D khai tại phiên tòa ngày 15/5/2018, với số tiền là 35.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để điều tra, xác minh nhưng sau đó chị D không cung cấp địa chỉ cụ thể của người cho vay nợ, cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ; mặt khác, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 115, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: H) đối với chị Nguyễn Thị D.

1. Cho anh Nguyễn Ngọc T (H) được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 21/6/2014 cho chị Nguyễn Thị D nuôi cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị D mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng sau ly hôn cho chị Nguyễn Thị D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005912 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Ngọc T còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã V, Huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến